

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH
- QUÝ IV/2007 -

Dvt: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | QUÝ TRƯỚC | QUÝ NÀY | LUY KÊ NĂM |
|---------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 193.608.038.820 | 186.936.597.199 | 748.885.043.410 |
| Các khoản giảm trừ | - | - | 523.637 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và dịch | 193.608.038.820 | 186.936.597.199 | 748.884.519.773 |
| Giá vốn hàng bán | 188.852.380.190 | 176.729.358.891 | 720.805.199.178 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch | 4.755.658.630 | 10.207.238.308 | 28.079.320.595 |
| Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài | 347.760.404 | 263.236.717 | 965.840.095 |
| Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính | 980.626.377 | 1.086.139.566 | 4.288.038.886 |
| Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài | (632.865.973) | (822.902.849) | (3.322.198.791) |
| Chi phí bán hàng | 3.981.254.571 | 6.637.482.925 | 18.740.149.331 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 636.561.198 | 1.735.659.333 | 3.730.683.432 |
| Doanh thu khác | 2.170.666.766 | 2.121.316.263 | 6.933.146.821 |
| Chi phí khác | 13.995.780 | 28.159.959 | 42.156.902 |
| Lợi nhuận khác | 2.156.670.986 | 2.093.156.304 | 6.890.989.919 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.661.647.874 | 3.104.349.505 | 9.177.278.960 |
| Thuế thu nhập phải nộp (kể cả hoãn | 465.261.405 | 863.014.067 | 2.563.434.315 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.196.386.469 | 2.241.335.438 | 6.613.844.645 |
| Thu nhập trên mỗi cổ phiếu | | | 2.744,33 |
| Cổ tức trên mỗi cổ phiếu | | | 2.107,88 |